

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày: 21/8/2023

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ*

Thanh toán trong hợp đồng xây dựng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư;

Ông Ngô Ánh Khôi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh – thương mại thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: A, xã H, huyện H, Tp. Đà Nẵng. người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thanh L, chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968; trú tại: Số C, B, phường A, tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

- Bị đơn: Công ty cổ phần W; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Bà Chuang Yang Yu F, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H, chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc Công ty cổ phần W

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH B trình bày:

Ngày 10/7/2018 công Ty TNHH B và công ty cổ phần W có ký kết hợp đồng kinh tế số 10/2018/HĐKT về việc thi công sơn Epoxy&PU chống thấm trần sàn công trình Nhà văn phòng 02 tầng, địa chỉ xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Trong đó công

ty TNHH B là bên thi công và công phần W là chủ đầu tư, giá trị hợp đồng ban đầu là 489.405.180đồng. khi công trình hoàn thành hai bên nghiệm thu và đã quyết toán công trình thì công ty TNHH B thống nhất giảm 10% giá thành theo hợp đồng cho công ty cổ phần W. Như vậy giá trị còn lại bên công ty công ty cổ phần W phải thanh toán cho công ty TNHH B là 440.464.662đồng. Công ty cổ phần W đã tạm ứng giá trị hợp đồng trước cho công ty TNHH B là 244.702.590đồng; số tiền còn lại công ty cổ phần W phải thanh toán cho công ty TNHH B là 195.762.072đồng, số tiền này đã được hai bên xác nhận tại biên bản nghiệm thu quyết toán hợp đồng ngày 25/5/2019

Sau khi hai bên ký xác nhận biên bản nghiệm thu quyết toán hợp đồng ngày 25/5/2019 đến ngày 10/6/2019 công ty TNHH B đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000018 và văn bản đề nghị thanh toán gửi cho công ty. Tuy nhiên đến tháng 9/2019 công ty cổ phần W có văn bản phúc đáp số 153/WXS nội dung xác nhận nợ đã thanh toán theo hồ sơ nghiệm thu ngày 25/5/2019 và hóa đơn số 0000018 ngày 10/6/2019 số tiền 195.762.072đồng và đề nghị giảm số tiền 100.000.000đồng mới đồng ý thanh toán. Việc công ty cổ phần W yêu cầu giảm công nợ xuống 100.000.000đồng là không có cơ sở nên công ty TNHH B không đồng ý.

Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần W phải trả số tiền gốc còn nợ là 195.762.072đồng; không yêu cầu giải quyết lãi suất chậm trả.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần W trình bày:

Ngày 10/7/2018 công Ty TNHH B và công ty cổ phần W có ký kết hợp đồng kinh tế số 10/2018/HĐKT về việc thi công sơn Epoxy&PU chống thấm trải sàn công trình Nhà văn phòng 02 tầng, địa chỉ xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Tuy nhiên từ khi bắt đầu thi công công ty TNHH B đã không thực hiện biên pháp thi công , sử dụng thiết bị mài phẳng mặt bằng, dẫn đến chất lượng không đạt yêu cầu, độ dày không đủ và mặt nền không bằng phẳng. Về việc này công ty cổ phần W đã có văn bản đề nghị công Ty TNHH B khắc phục sửa chữa nhưng công ty TNHH B không thực hiện

Do đó, nếu căn cứ vào hợp đồng thì công ty TNHH B phải thi công lại cho công ty cổ phần W, tuy nhiên biên pháp thi công của công ty TNHH B không bảo đảm nếu thi công sửa chữa lại vẫn không đạt. vì vậy đề nghị chấm dứt hợp đồng giữa hai bên . Đối với hạng mục thi công ty TNHH B chưa hoàn thiện dẫn đến khi vực sảnh đón bị thấm nước, công ty cổ phần W sẽ tự tìm đơn vị khác vào sửa chữa, khắc phục; đối với nợ 195.762.072đồng công ty chúng tôi không thống nhất trả mà dùng số tiền này vào sửa chữa những hạng mục công ty TNHH B chưa xử lý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy

định của pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần W phải trả cho Công ty TNHH B số tiền gốc: 195.762.072đồng và đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Công ty TNHH B và Công ty cổ phần W đều có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng kinh tế về lĩnh vực xây dựng nhằm mục đích lợi nhuận, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng xây dựng; bị đơn có trụ sở tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; do đó Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 10/7/2018 giữa Công ty TNHH B và Công ty cổ phần W đã ký kết hợp đồng kinh tế số 10/2018/HĐKT về việc thi công sơn Epoxy&PU chống thấm trải sàn công trình Nhà văn phòng 02 tầng, theo đó Công ty TNHH B đã thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung hợp đồng đã ký nhưng Công ty cổ phần W không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do Công ty cổ phần W không thực hiện đúng điều khoản về thanh toán theo hợp đồng nên Công ty TNHH B khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần W phải trả số tiền nợ gốc 195.762.072đồng là phù hợp với biên bản nghiệm thu quyết toán hợp đồng ngày 25/5/2019 và phù hợp với Điều 280 Bộ luật Dân sự nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 195.762.072đồng

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.3] Bị đơn Công ty cổ phần W cho rằng nguyên đơn công ty TNHH B đã không thực hiện biện pháp thi công, sử dụng thiết bị mài phẳng mặt bằng, dẫn đến chất lượng không đạt yêu cầu, độ dày không đủ và mặt nền không bằng phẳng. Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo chi phí tố tụng cho bị đơn để lập hội đồng thẩm định tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện. Ngoài ra, tại biên bản nghiệm thu quyết toán hợp đồng số 2903/2019/NTQT ngày 25/5/2019 Công ty cổ phần W đã xác nhận Công ty TNHH B đã triển và tại mục 1.2 Điều 1 của hợp đồng số 10/2018/HĐKT đã quy định rõ **“Bên A (Công ty TNHH B) bàn giao mặt bằng đạt tiêu chuẩn thi công sơn Epoxy & PU và bên B (Công ty cổ phần W) tập kết**

đầy đủ máy móc, vật tư công trình và tiến hành thi công . Sau khi thi công hoàn thành, hai bên tiến hành nghiệm thu công trình, nghiệm thu đạt yêu cầu và bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ cho bên A, trong vòng 05 ngày bên A thanh toán 100% giá trị còn lại cho bên B”; như vậy việc bị đơn Công ty cổ phần W không thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng cho nguyên đơn công ty TNHH B là vi phạm hợp đồng 10/2018/HĐKT mà h
i bên đã ký kết trước đó. Do đó việc nguyên đơn Công ty TNHH B yêu cầu công ty cổ phần W phải thanh toán số tiền nợ gốc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: vì yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 12.757.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 157, Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 306, Điều 319 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đối với Công ty cổ phần W về việc “tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng”.

Buộc Công ty cổ phần W phải thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền còn nợ là **195.762.000đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn đồng y)**.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện nội dung buộc bị đơn Công ty cổ phần W phải trả lãi suất chậm trả nguyên đơn Công ty TNHH B.

Kể từ ngày Công ty TNHH B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng Công ty cổ phần W còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty cổ phần W phải chịu 9.788.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Công ty TNHH B số tiền 5.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003087 ngày 22/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TRƯƠNG VĂN BIỂU